

## CHƯƠNG VII

### ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

|                      |  |
|----------------------|--|
| <b>E-ĐKC 1.1</b>     | <b>Chủ đầu tư:</b> <i>CN Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Thủ Đức, 647 Tỉnh lộ 43, phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, ĐT02822180211</i>   |
| <b>E-ĐKC 1.3</b>     | <b>Nhà thầu:</b> .....<br><i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>   |
| <b>E-ĐKC 1.10</b>    | Địa điểm dự án: <i>Phường Bình Trưng, Cát Lái</i>  |
| <b>E-ĐKC 1.11</b>    | Ngày hợp đồng có hiệu lực: <i>Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng và Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng cho Nhà thầu.</i>  |
| <b>E-ĐKC 2.2 (i)</b> | Các tài liệu khác: <i>không có</i>   |
| <b>E-ĐKC 4.1</b>     | Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng:<br><i>Phương án Đầu tư dự án, Nhiệm vụ thiết kế</i>   |
| <b>E-ĐKC 5.1</b>     | Các trường hợp khác: <i>“không áp dụng”</i>  |
| <b>E-ĐKC 7</b>       | Loại hợp đồng: <i>trọn gói.</i>  |
| <b>E-ĐKC 8</b>       | Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.<br><br>(1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.   |
| <b>E-ĐKC 10</b>      | 10.1. Tạm ứng: <i>không áp dụng</i><br>10.2. Thanh toán:<br><i>*Đợt 1: Chủ đầu tư thanh toán đến 100% chi phí khảo sát và 90% chi phí lập BCKTKT XD sau khi hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát được nghiệm thu, hồ sơ BCKTKT XD được phê duyệt, nghiệm thu và nhà thầu hoàn tất đầy đủ hồ sơ theo kết quả thẩm định, hoàn tất hồ sơ thanh toán theo đúng quy định và yêu cầu của của đầu tư.</i><br><i>*Đợt 2: Sau khi dự án được nghiệm thu bàn giao, Chủ đầu tư sẽ thanh toán 10% chi phí lập BCKTKT XÂY DỰNG còn lại cho nhà thầu tư vấn.</i> |

|                          |  |
|--------------------------|--|
|                          | <p>- Thời hạn thanh toán: <b>14 ngày</b> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải hoàn thành các thủ tục và thanh toán cho nhà thầu, cụ thể:</p> <p>+ <i>Phiếu đề nghị thanh toán của Nhà thầu;</i></p> <p>+ <i>Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (không yêu cầu xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết); bảng xác định giá trị cho những công việc phát sinh theo văn bản sửa đổi hợp đồng (nếu có) có xác nhận của đại diện chủ đầu tư, đại diện tư vấn giám sát (nếu có) và đại diện nhà thầu;</i></p> <p>+ <i>Hóa đơn GTGT và các tài liệu liên quan.</i></p> <p>- Đồng tiền thanh toán: <b>VND.</b></p> <p>- Phương thức thanh toán: <i>chuyển khoản 100%.</i></p>   |
| <b>E-ĐKC 11</b>          | <p>Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: <i>áp dụng;</i></p> <p>- Thời gian bảo hành là: <b>1095 ngày;</b></p> <p>Địa điểm để áp dụng bảo hành là: các vị trí theo Thiết kế bản vẽ thi công công trình;</p> <p>- Yêu cầu về khắc phục sự cố:</p> <p>Trường hợp phát hiện lỗi, khiếm khuyết của sản phẩm dịch vụ, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các lỗi, khiếm khuyết đó;</p> <p>- Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc sản phẩm dịch vụ có lỗi, khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa, khắc phục trong thời hạn 10 ngày và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, khắc phục.</p> <p>- Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa, khắc phục trong thời hạn quy định tại hợp đồng, việc phạt, bồi thường hợp đồng thực hiện theo quy định tại Mục 17.</p> |
| <b>E-ĐKC 12</b>          | Thời gian thực hiện hợp đồng: <b>90 ngày</b>   |
| <b>E-ĐKC 13.1</b>        | Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: <b>07 ngày.</b>  |
| <b>E-ĐKC 13.2</b><br>(e) | Các trường hợp khác: <b>không có</b>   |
| <b>E-ĐKC 14.2</b>        | Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: <b>07 ngày</b> kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.   |

|                   |  |
|-------------------|--|
| <b>E-ĐKC 16.1</b> | Danh sách nhà thầu phụ: <b>không có</b>  |
| <b>E-ĐKC 16.2</b> | Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: <b>không có nhà thầu phụ.</b>   |
| <b>E-ĐKC 16.4</b> | Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : <b>không có.</b>  |
| <b>E-ĐKC 17</b>   | <p><i>Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</i></p> <p><b>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng</b></p> <p><b>a) Nguyên tắc:</b></p> <p>Nội dung vi phạm/ sai sót về chất lượng hoặc các thiếu sót trong hồ sơ tư vấn dẫn đến hậu quả: việc triển khai thực hiện không đúng quy định của pháp luật, quy định của cấp có thẩm quyền (Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty), quy định của hợp đồng như khảo sát thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, sai định mức, đơn giá,...; hoặc việc triển khai thực hiện gây thiệt hại cho chủ đầu tư (phát sinh chi phí, lãng phí, gây sự cố công trình, đưa ra giải pháp khảo sát, thiết kế không phù hợp dẫn đến không thể triển khai thi công trong thực tế) được quy định, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vi phạm trong công tác khảo sát: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vi phạm trong thu thập, tính toán các số liệu về khí tượng – thủy văn.</li> <li>+ Vi phạm trong công tác khảo sát địa hình (đo đạc, xây dựng các mốc địa hình, các bản đồ địa hình, các mặt cắt địa hình,...).</li> <li>+ Vi phạm trong công tác khảo sát địa chất (bản đồ địa chất công trình, công tác địa vật lý, công tác khoan/ đào địa chất, công tác bảo quản nôn khoan,...).</li> <li>+ Vi phạm trong việc điều tra, khảo sát, thống kê, xác định khối lượng các ảnh hưởng, tác động bởi Dự án/ công trình... (diện tích chiếm đất, khối lượng bồi thường, di dân tái định cư, giải</li> </ul> </li> </ul> |

phóng mặt bằng,... các số liệu, tài liệu liên quan đến xác lập báo cáo ĐTM,...).

- + Vi phạm trong công tác phân tích, đánh giá kết quả và xác lập các chỉ tiêu khảo sát về khí tượng thủy văn, địa hình, địa chất (chỉ tiêu cơ lý đất đá, phân lớp địa chất công trình, động đất, kiến tạo,...).

- + Vi phạm trong công tác cập nhật hạ tầng ngầm.

- + Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Vi phạm trong công tác thiết kế:

- + Vi phạm trong việc áp dụng các tiêu chuẩn thiết kế, phân loại cấp công trình và nhóm công trình, lựa chọn tần suất tính toán thiết kế (về thủy văn, sóng, gió,...) đối với hạng mục/ công trình,....

- + Vi phạm trong phân tích sự cần thiết đầu tư, phân tích kinh tế - tài chính của Dự án.

- + Vi phạm trong việc lựa chọn, xác định tổ hợp tải trọng tác động lên hạng mục/ công trình,... trong các trường hợp tính toán.

- + Vi phạm trong việc tính toán, phân tích lựa chọn phương án, lựa chọn tuyến, thiết kế bố trí hạng mục/ tổng thể công trình và các hạng mục công trình phụ trợ,....

- + Vi phạm trong giải pháp thiết kế, lựa chọn công nghệ.

- + Vi phạm trong tính toán, thiết kế đối với từng cấu kiện, bộ phận, hạng mục, trong Hồ sơ thiết kế của Dự án/ công trình.

- + Vi phạm trong việc xác lập, kiến nghị biện pháp tổ chức xây dựng, biện pháp thi công hạng mục/ công trình.

- + Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

+ Vi phạm trong bóc tách khối lượng từ bản vẽ, bản vẽ thiết kế sai sót,...

+ Các vi phạm, sai sót chủ quan khác dẫn đến phải sửa đổi thiết kế trong quá trình chọn thầu, trong quá trình thi công, nghiệm thu.

- Vi phạm trong công tác lập, thẩm tra chi phí:

+ Vi phạm trong việc tuân thủ các quy định về quản lý chi phí ĐTXD được ban hành và có hiệu lực đối với từng thời kỳ.

+ Vi phạm trong việc tuân thủ nội dung hồ sơ kỹ thuật (khảo sát, thiết kế các giai đoạn: khối lượng, biện pháp tổ chức xây dựng/biện pháp thi công, các điều kiện tự nhiên liên quan,...).

+ Áp dụng/vận dụng định mức, đơn giá và các chế độ trong tính toán, xác định chi phí không đúng.

+ Các sai sót trong quá trình tính toán, xác định chi phí.

+ Vi phạm thời gian thực hiện và/hoặc không đầy đủ hồ sơ liên quan theo quy định khi trình duyệt (kể cả các tài liệu gửi qua e.mail, D.office, phần mềm quản lý ĐTXD...).

+ Xác định TMĐT/ĐTXD/dự toán gói thầu có giá chi phí chênh lệch lớn hơn  $\pm 10\%$  so với kết quả thẩm tra, thẩm định, phê duyệt.

- Các nội dung vi phạm khác:

+ Nội dung hồ sơ không thống nhất (do lỗi chủ quan của tư vấn) dẫn đến việc: hồ sơ dự án, thiết kế, hồ sơ mời thầu bị cơ quan có thẩm quyền/ cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trả về yêu cầu hiệu chỉnh (Sở Công Thương TP.HCM, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Sở Xây dựng TP.HCM, Bộ Xây dựng, đặc biệt là Tập đoàn Điện lực Việt Nam trả hồ sơ yêu cầu hiệu chỉnh, các nhà thầu tham dự thầu phát hiện sai sót trong hồ sơ

thiết kế, hồ sơ mời thầu gửi văn bản đề nghị bên mời thầu làm rõ).

+ Về việc lựa chọn phương án bố trí tổng thể mặt bằng chưa tối ưu (làm ảnh hưởng đến: công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; khả năng mở rộng của công trình; khó khăn trong sửa chữa, thay thế VTTB, vận hành hệ thống,...).

+ Hồ sơ tư vấn, hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu làm hạn chế Nhà sản xuất, Nhà thầu tham dự.

+ Đối với các vi phạm khác: các đơn vị nhận dạng theo hướng dẫn về xử lý sai phạm trong đầu tư xây dựng tại chương X – QĐ 70 để áp dụng cho phù hợp.

#### **b) Nhà thầu bị phạt theo mức :**

- **Phạt 0,5% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi 01 ngày chậm do lỗi nhà thầu.**

- **Lần 1:** Trường hợp nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm quá **10 ngày**, nhà thầu sẽ bị phạt bằng **5% giá trị hợp đồng bị vi phạm do lỗi nhà thầu..**

- **Lần 2:** Trường hợp nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm quá **15 ngày**, nhà thầu sẽ bị phạt bằng **7% giá trị hợp đồng bị vi phạm do lỗi nhà thầu..**

- **Lần 3:** Trường hợp nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm quá **30 ngày**, nhà thầu sẽ bị phạt bằng **12% giá trị hợp đồng bị vi phạm do lỗi nhà thầu**, đồng thời Chủ đầu tư xem xét chấm dứt hợp đồng.

Tổng số tiền phạt không vượt quá : **12 % giá hợp đồng**, Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.

#### **Mức phạt:**

- Giá trị phạt do vi phạm về tiến độ được tính = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) (tỷ lệ % tùy theo tính chất vi phạm do các đơn vị tự quyết định).

- Giá trị phạt do vi phạm về chất lượng được tính = tỉ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký; được tính lũy kế các lần 1 phạt 5 %, lần 2 phạt 7 %, lần 3 phạt 12 %; Tổng giá trị phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng, mức phạt đạt 12 % có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.

- Các Đơn vị phải yêu cầu nhà thầu chào riêng giá trị của từng hạng mục công việc như: công tác khảo sát; công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật; công tác lập thiết kế, dự toán sau thiết kế cơ sở; công tác lập báo cáo môi trường; công tác lập hồ sơ mời thầu,... làm cơ sở tính giá trị phạt hợp đồng khi nhà thầu có vi phạm.

b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

## 2. Bồi thường thiệt hại: **Áp dụng**

Ngoài mức phạt hợp đồng đã được quy định ở Chương III, bên nhận thầu phải bồi thường thiệt hại tương ứng với các mức thiệt hại do lỗi của bên nhận thầu theo các nội dung quy định tại Chương III (các bên lập biên bản xác nhận thiệt hại) và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng.

*Mức bồi thường = Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng.*

Trong đó:

(1) Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do bên nhận thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng,... do đơn vị thiết kế, thi công, giám sát hoặc cung cấp hàng hóa gây ra (thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, lựa chọn vị trí, địa điểm không phù hợp dẫn đến thi

|                          |   |
|--------------------------|---|
|                          | <p>công xong phải đập bỏ, thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố,...) (<i>trường hợp bên nhận thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi này</i>).</p> <p>(2) Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.</p>  |
| <p><b>E-ĐKC 19.1</b></p> | <p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương; hoặc</li> <li>- Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ trong việc thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu theo Hợp đồng mà nhà thầu vẫn không có biện pháp sửa chữa sai sót hoặc tiến hành khắc phục hoặc phối hợp với Chủ đầu tư khắc phục sai sót, chậm trễ đó; hoặc</li> <li>- Bị phạt đến 12% giá trị hợp đồng; hoặc</li> <li>- Tự vẫn tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng.</li> </ul> |
| <p><b>E-ĐKC 20</b></p>   | <p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Nhà thầu về sai sót hoặc chậm trễ trong việc thực hiện các nghĩa vụ của Chủ đầu tư theo Hợp đồng mà Chủ đầu tư vẫn không có phúc đáp về các sai sót hoặc chậm trễ đó; hoặc</li> <li>- Chủ đầu tư rơi vào tình trạng phá sản hoặc giải thể; hoặc</li> <li>- Chủ đầu tư tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng.</li> </ul>   |
| <p><b>E-ĐKC 22.2</b></p> | <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hòa giải: Các Bên sẽ nỗ lực tối đa để giải quyết các tranh chấp hoặc bất đồng phát sinh liên quan đến Hợp đồng bằng cách thương thảo trực tiếp.</li> <li>- Nếu sau 28 ngày kể từ ngày bắt đầu thương lượng, hòa giải mà các Bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết các tranh chấp theo Hợp đồng thì một Bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó thông qua Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Đức hoặc Tòa án tại địa phương của Chủ đầu tư theo đúng thủ tục quy định.</li> </ul> <p>+ Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng là tiếng Việt.</p>  |

|                          |  |
|--------------------------|--|
|                          | <p>+ <i>Quyết định của Tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai Bên.</i></p> <p>+ <i>Bên thua kiện sẽ phải chịu chi phí Tòa án.</i></p>   |
| <p><b>E-ĐKC 23.1</b></p> | <p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p><b>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư:</b></p> <p>+ <i>Công ty Điện lực Thủ Đức,</i></p> <p>+ <i>Địa chỉ số 647 Tỉnh lộ 43, khu phố 4, phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, TP.HCM.</i></p> <p>+ <i>Điện thoại: 22180211</i></p> <p>+ <i>E-mail: <a href="mailto:DLTD@hcmpec.com.vn">DLTD@hcmpec.com.vn</a></i></p> <p><b>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: .....</b></p> <p>Đại diện là ông : ..... Chức vụ: Giám đốc</p> <p>Địa chỉ : .....</p> <p>Điện thoại : .....</p> <p>E-Mail: .....</p> |